



TỜ TRÌNH

V/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Logistics Vicem

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Logistics Vicem

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 hướng dẫn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vicem kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Logistics Vicem (*nội dung sửa đổi, bổ sung đính kèm*).

Lý do sửa đổi: Cập nhật nội dung Điều lệ theo quy định pháp luật.

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Logistics Vicem (sửa đổi, bổ sung) có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT-P.TCHC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hà Quang Hiện

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

(Kèm theo Tờ trình số: 65/2023/TTr-HĐQT. Ngày 20/4/2023)

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 thì thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là vô thời hạn.</p> <p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây (theo Điều 165 – Luật Doanh nghiệp); - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 – Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.</p> <p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật a) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây (theo Điều 165 – Luật Doanh nghiệp); - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 24 Điều 4 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p> <p>Khoản 5 Điều 2 – PL I Thông tư 116/TT-BTC (31/12/2020)</p> <p>Khoản 1 Điều 12 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p> <p>Khoản 1 Điều 13- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. <u>Trường hợp thì việc đề cử người vào Hội đồng, Auán trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</u></p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cử ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. <u>Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</u></p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cử ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>Khoản 5 Điều 115 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>d) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>o) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản, thông qua</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>o). Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ</p>	<p>Khoản 2 Điều 138; Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.</p> <p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</p> <p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh. c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty. d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. e) Tổ chức lại, giải thể công ty; f) Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p>	<p>Khoản 5 Điều 7 - Luật số 03/2022/QH15</p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1i). Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng-quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>2h). Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở lên đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.</p> <p>2i). Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ,e,g và h, khoản 1, Điều 158, Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, thư ký chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>2h). Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d, khoản 2, Điều 138; khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2i). Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những</p>	<p>Khoản 6, Điều 7, Luật số 03/2022/QH15</p> <p>Khoản 2, Điều 153, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>quyền lợi khác của những người đó.</p> <p>(Chưa có)</p> <p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Phần ghi biên bản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 34. Người điều hành công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng</p>	<p>người đó.</p> <p>2s) Thông qua các họp đồng, thỏa thuận, cam kết có thời hạn trên 01 năm (ngoại trừ các họp đồng thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền thỏa thuận/phê duyệt; các họp đồng mua bán các sản phẩm dịch vụ do Nhà nước độc quyền quản lý; các họp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 34. Người điều hành công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:</p> <p>a). Nhiệm kỳ bổ nhiệm của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không quá 05 năm, phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các chức danh không thuộc thẩm quyền của Hội đồng</p>	<p>Khoản 6, Điều 7, Luật số 03/2022/QH15</p> <p>Khoản 2, Điều 153, Luật Doanh nghiệp số</p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty;</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3i). Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng Giám đốc có thể xin ý kiến của Hội đồng Quản trị thông qua trước khi thực hiện).</p>	<p>quản trị thực hiện theo quy chế quản lý của Công ty.</p> <p>b) Đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng công ty đã được bổ nhiệm trước thời điểm ban hành Điều lệ sửa đổi này thì quyết định bổ nhiệm vẫn còn hiệu lực. Trường hợp bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm phải phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị.</p> <p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc;</p> <p>2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Cty;</p> <p>3i). Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 2 Điều 153, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>59/2020/QH14</p> <p>Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 35 Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng tại PL 1, TT số 116/2020/TT- BTC (31/12/2020)</p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>Điều 48. Năm Tài chính</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ (tỷ lệ cụ thể công ty xem xét quy định phù hợp) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan</p> <p>Điều 48. Năm Tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01</p>	<p>Khoản 2, Khoản 3, Điều 162, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p> <p>Khoản 6 Điều 47 – PL I Thông tư 116/TT-BTC (31/12/2020)</p>

STT	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Điều 55. Gia hạn hoạt động</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty; b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p>Điều 55. Gia hạn hoạt động</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p> <p>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty; b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p>Điều 53 – PL I Thông tư 116/TT-BTC (31/12/2020)</p> <p>Điều 60 – PL I Thông tư 116/TT-BTC (31/12/2020)</p> <p>Điều 62 – PL I Thông tư 116/TT-BTC (31/12/2020)</p>